

## Bài 4. KÍ HIỆU VÀ BẢNG CHÚ GIẢI BẢN ĐỒ. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ.

---

### **I** MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

#### **1. Về kiến thức**

Nhận biết được các loại kí hiệu và các dạng kí hiệu bản đồ.

## 2. Về kĩ năng, năng lực

- Đọc được các kí hiệu và chú giải trên các bản đồ.
- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Biết tìm đường đi trên bản đồ.

## II CHUẨN BỊ

– Một số bản đồ giáo khoa như bản đồ hình thể, các miền tự nhiên, bản đồ địa hình tỉ lệ lớn, bản đồ hành chính,...

– Các bản đồ trong SGK: bản đồ hành chính Việt Nam; bản đồ tự nhiên thế giới bán cầu Tây, bán cầu Đông; một số bản đồ địa phương có tỉ lệ lớn như bản đồ các điểm du lịch để HS vận dụng cách tìm đường đi trên bản đồ

## III GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

### 1. Mở đầu

GV có thể sử dụng tình huống được nêu ra như phần mở đầu bài học trong SGK để tạo tâm thế hứng thú vào bài học. Sau bài học, các em có thể sử dụng những kiến thức cơ bản về bản đồ đã được học để sử dụng bản đồ trong học tập cũng như trong các tình huống thực tế như tìm đường đi.

### 2. Hình thành kiến thức mới

#### Mục 1. Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ

##### a) Kí hiệu bản đồ

– GV cho HS biết về tầm quan trọng của kí hiệu bản đồ. Sau đó, hướng dẫn HS quan sát hình 1 để HS biết được kí hiệu bản đồ rất đa dạng. HS quan sát hình, trao đổi nhóm để nhận biết được các loại và các dạng kí hiệu.

– Qua việc phân tích các đặc điểm, ý nghĩa của kí hiệu bản đồ (mục "Em có biết") để HS có thể tự đưa ra những nhận xét và phân biệt sự khác nhau giữa kí hiệu bản đồ với các kí hiệu khác (như kí hiệu giao thông,...).

– Sau khi HS có biểu tượng về kí hiệu bản đồ, GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ trong SGK. Gợi ý kết quả:

+ Đối tượng địa lí được thể hiện bằng kí hiệu điểm: Thủ đô, thành phố, mỏ quặng, điểm du lịch, di tích,...

+ Đối tượng địa lí được thể hiện bằng kí hiệu đường: tuyến đường biển, dòng biển, hướng gió, dòng sông,...

+ Đối tượng địa lí được thể hiện bằng kí hiệu diện tích: vùng trồng lúa, khu vực phân bố các loại đất, rừng,...

*b) Bảng chú giải*

– Để HS có biểu tượng về bảng chú giải, GV cho HS quan sát một số loại bản đồ giáo khoa treo tường trên lớp hoặc trong các tập Atlas Địa lí để hướng dẫn HS đọc nội dung của bản đồ.

– Sau đó, GV lưu ý phần “Em có biết” để HS biết cách sắp xếp thứ tự các kí hiệu trong bảng chú giải. Khi HS đã có biểu tượng và biết cách sắp xếp trong bảng chú giải, GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK để thực hành và củng cố kiến thức. Gợi ý kết quả:

+ Thông qua các kí hiệu và nội dung cho thấy bảng chú giải bên trái thuộc bản đồ tự nhiên và bên phải thuộc bản đồ hành chính.

+ Trong bảng chú giải của bản đồ hành chính thể hiện các đối tượng: Thủ đô, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố, thị xã đó là những đơn vị hành chính và các đối tượng khác như biên giới quốc gia, ranh giới tỉnh, giao thông, sông ngòi,...

+ Trong bảng chú giải của bản đồ tự nhiên thể hiện: phân tầng độ cao, độ sâu (đậm, nhạt), đỉnh núi, điểm độ sâu, sông ngòi,...

**Mục 2. Đọc một số bản đồ thông dụng**

*a) Cách đọc bản đồ*

GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước khi đọc một bản đồ và gọi một số HS trình bày lại cách đọc bản đồ trên 1 bản đồ cụ thể được treo trên bảng.

*b) Đọc bản đồ tự nhiên và bản đồ hành chính*

– Đọc bản đồ tự nhiên thế giới trang 96 – 97 SGK

GV hướng dẫn HS quan sát, cùng trao đổi và hoàn thành việc đọc bản đồ này theo gợi ý. Hoặc GV có thể chia lớp thành các nhóm để đọc bản đồ này, các nhóm khác trao đổi và bổ sung cho hoàn chỉnh. Cụ thể là:

+ Nội dung và lãnh thổ: bản đồ Tự nhiên các bán cầu.

+ Tỷ lệ bản đồ là 1 : 110 000 000.

+ Bảng chú giải thể hiện các yếu tố: phân tầng địa hình, các yếu tố tự nhiên,...

+ Kể tên các đối tượng địa lí cụ thể ở châu Mỹ:

Các dãy núi: dãy Rốc-ki, dãy An-đét,...

Các đồng bằng: đồng bằng A-ma-dôn, đồng bằng Pam-pa,...

Các dòng sông lớn: sông Mi-xi-xi-pi, sông Xan Phran-xi-xcô, sông A-ma-dôn,...

– Đọc bản đồ hành chính Việt Nam trang 110 SGK

Cách đọc bản đồ này cũng tương tự như bản đồ Tự nhiên thế giới nên GV có thể thực hiện việc dạy học giống phần trên. Cụ thể là:

+ Bản đồ hành chính của Việt Nam.

+ Bản đồ có tỉ lệ 1 : 10 000 000.

+ Bảng chú giải thể hiện các yếu tố: các đơn vị hành chính (Thủ đô, thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh), các ranh giới,...



+ Đọc và xác định các đối tượng:

- Thủ đô: Hà Nội.

- Thành phố trực thuộc Trung ương: Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

- Tỉnh/thành phố nơi em sinh sống: HS xác định vị trí địa phương mình.

### Mục 3. Tìm đường đi trên bản đồ

– GV lựa chọn một tờ bản đồ du lịch của một thành phố nào đó hay sơ đồ một khu du lịch, một khu vực của thành phố. Sau đó giới thiệu các bước để tìm đường đi. HS quan sát GV thực hiện và ghi nhớ các bước như trong SGK.

– Sau khi HS đã biết cách tìm đường đi, GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ để thực hành và củng cố. Cụ thể là:

- + Trên bản đồ hình 3: Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt nằm trên đường Yersin; Ga Đà Lạt là điểm bắt đầu tuyến đường sắt; Bảo tàng Lâm Đồng nằm trên đường Hùng Vương.

- + Mô tả đường đi từ Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt đến Ga Đà Lạt, từ Ga Đà Lạt đến Bảo tàng Lâm Đồng.

- Từ Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt xuôi theo đường Yersin tới ngã tư đường Nguyễn Trãi – Yersin (khoảng 600 m), sau đó đi về hướng Đông Bắc (khoảng 500 m), rẽ phải sẽ là Ga Đà Lạt.

- Từ Ga Đà Lạt đến ngã tư Nguyễn Trãi – Yersin (khoảng 500 m), từ ngã tư đó đi theo đường Phạm Hồng Thái (khoảng 1 km) đến đường Hùng Vương, Bảo tàng Lâm Đồng nằm trên đường Hùng Vương.

### 3. Luyện tập và vận dụng

#### Câu 1.

– Sông, ranh giới tỉnh được thể hiện bằng kí hiệu đường.

– Vùng trồng rừng được thể hiện bằng kí hiệu diện tích.

– Nhà máy, mỏ khoáng sản được thể hiện bằng kí hiệu điểm.

#### Câu 2 và câu 3

HS sưu tầm bản đồ, ứng dụng bản đồ trên thiết bị điện tử để thực hiện nhiệm vụ.

## IV TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kí hiệu bản đồ là những dấu hiệu quy ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. Hệ thống các kí hiệu bản đồ tạo thành một loại ngôn ngữ đặc biệt, đó là ngôn ngữ bản đồ. Chức năng của ngôn ngữ bản đồ là truyền đạt nội dung bản đồ. Hệ thống kí hiệu bản đồ rất đa dạng có thể là hình vẽ (các dạng đồ họa), màu sắc, chữ và các con số,... Chức năng của hệ thống kí hiệu bản đồ là phản ánh các nội dung bản đồ. Kí hiệu bản đồ có khả năng thể hiện về các mặt đặc điểm (chất lượng), số lượng, cấu trúc, vị trí của đối tượng địa lí.

2. Mỗi bản đồ đều có bảng chú giải. Bảng chú giải cùng với các biểu đồ, tranh ảnh, các mặt cắt, các số liệu tra cứu,... thuộc về yếu tố hỗ trợ của bản đồ. Các yếu tố hỗ trợ của bản

đồ giúp cho việc đọc bản đồ và sử dụng bản đồ được thuận lợi, dễ dàng. Toàn bộ nội dung của bản đồ cùng với hệ thống kí hiệu được sắp xếp logic trong bảng chú giải, giúp chúng ta hiểu được nội dung và ý nghĩa của kí hiệu được thể hiện trên bản đồ. Do đó, muốn đọc và sử dụng được bản đồ ta phải nghiên cứu và đọc bảng chú giải.